

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1051/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 27 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Giáo dục học (Tiểu học)

Tiếng Anh: Primary Education

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Giáo dục học (Tiểu học)

Mã số: 8 14 01 01

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học, cán bộ quản lý bậc học tiểu học tại nhà trường và các địa phương, giảng viên các trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học, cán bộ nghiên cứu giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng tại các viện, trung tâm nghiên cứu.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể học lên trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành đào tạo ở trong và ngoài nước.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Giáo dục tiểu học có phẩm chất tốt, có kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề để nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu và quản lý chuyên môn thuộc chuyên ngành Giáo dục học (Tiểu học).
M2	Có kiến thức về phương pháp, phương pháp luận nghiên cứu khoa học để tham gia các hoạt động nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
M3	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học.



M4	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học.
M5	Phát triển năng lực quản lí, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về giáo dục tiểu học; Có năng lực ngoại ngữ để cập nhật thành tựu khoa học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành; Trên cơ sở lí luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kì đổi mới.
C2	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
C3	Thể hiện sự trung thực, hợp tác; tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong nghiên cứu khoa học giáo dục thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học
C4	Vận dụng được những tri thức về tâm lí học, giáo dục học hiện đại vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy tiểu học.
C5	Khai thác hiệu quả tri thức khoa học cơ bản, tri thức khoa học liên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực giáo dục tiểu học.
C6	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về giáo dục tiểu học để thực hiện nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.
C7	Có khả năng dẫn dắt chuyên môn hoặc đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ trong giáo dục tiểu học; Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về lĩnh vực giáo dục tiểu học tại các cơ sở đào tạo.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1	X				
C2					X
C3	X				
C4		X	X		

C5			X		
C6		X	X		
C7				X	X

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Các học phần chung	09
II	Các học phần cơ sở	20
	II.1. Bắt buộc	12
	II.2. Tự chọn	08
III	Các học phần chuyên ngành	21
	III.1. Bắt buộc	12
	III.2. Tự chọn	09
IV	Luận văn tốt nghiệp	10
	TỔNG	60

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã tốt nghiệp đại học ngành đúng (Cử nhân Giáo dục tiểu học), hoặc các ngành gần với ngành đăng ký dự thi như: Cử nhân Sư phạm Toán, Cử nhân Toán (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm), Cử nhân Sư phạm Ngữ văn và các chuyên ngành Cử nhân Ngôn ngữ học, Cử nhân Văn học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm), Cử nhân Tâm lý học, Cử nhân Giáo dục đặc biệt.

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ứng với khóa học, năm học và học kì. Thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo là 2 năm đối với học viên có bằng tốt nghiệp đại học cùng ngành hoặc gần ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời được quy định trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội 2) không vượt quá 4 năm. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) và các điều kiện đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội 2;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một tổng điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số điểm mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm tổng hợp đánh giá học phần từ 4,0 trở lên.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kì

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kì qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm số đã quy đổi theo thang điểm 4 của các học phần đã học từ đầu khóa học tới thời điểm được xem xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn được đánh giá công khai bởi Hội đồng đánh giá luận văn. Nội dung đánh giá tập trung vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu của luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn (tối đa 9 điểm) và điểm thành tích nghiên cứu (tối đa 1 điểm). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

STT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lí thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I. Các học phần chung			9					
1	Triết học	PHIL 501	4	42	36			120
2	Tiếng Anh	ENGL 504	5	45	30			150
II. Các học phần cơ sở			20					
II.1. Bắt buộc			8					
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC 511	3	30	30			90
4	Tâm lí học giáo dục	EDSC 512	3	30	30			90
5	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC 513	2	15	30			60
II.2. Tự chọn (Chọn 4 trong số 9 học phần sau)			12					
6	Lí luận dạy học hiện đại	EDSC 521	3	30	30			90
7	Chuẩn giáo dục và Lí thuyết chương trình giáo dục	EDSC 522	3	30	30			90
8	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC 523	3	30	30			90
9	Giáo dục kĩ năng học tập cơ bản ở tiểu học	EDSC 524	3	30	30			90
10	Giáo dục theo hướng phát triển năng lực ở tiểu học	PRED 525	3	30	30			90
11	Đánh giá trong giáo dục tiểu học theo tiếp cận năng lực	PRED 526	3	30	30			90
12	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học	PRED 527	3	30	30			90
13	Giáo dục văn hoá giao tiếp	PRED 528	3	30	30			90

	tiếng Việt cho học sinh tiểu học							
14	Dạy Văn ở tiểu học	PRED 529	3	30	30			90
III. Các học phần chuyên ngành			21					
III.1. Bắt buộc			12					
15	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt tiểu học	PRED 541	3	30	30			90
16	Cơ sở khoa học của dạy Toán ở tiểu học	PRED 542	3	30	30			90
17	Cơ sở giáo dục trải nghiệm ở tiểu học	PRED 543	3	30	30			90
18	Cơ sở khoa học của giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRED 544	3	30	30			90
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần sau)			9					
19	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống ở tiểu học	PRED 551	3	30	30			90
20	Phát triển tư duy toán học của học sinh qua dạy học Toán	PRED 552	3	30	30			90
21	Phát triển kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản	PRED 553	3	30	30			90
22	Phát triển kỹ năng dạy học đọc hiểu ở tiểu học	PRED 554	3	30	30			90
23	Phát triển năng lực dạy học toán ở tiểu học	PRED 555	3	30	30			90
24	Xu hướng mới trong giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRED 556	3	30	30			90
25	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học toán ở tiểu học	PRED 557	3	30	30			90
26	Phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	PRED 558	3	30	30			90
D. LUẬN VĂN			10					
Tổng cộng			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7
1 PHIL501	T						
2 ENGL504		TU					
3 EDSC 511			TU				
4 EDSC 512				TU			
5 EDSC 513				TU			
6				TU			
7 EDSC 521				TU			
8 EDSC 522				TU			
9 EDSC 544					TU		
10					TU		
11 PRED 525					TU		
12						TU	
13						TU	
14					T	TU	
15 PRED 541							T
16 PRED 542							T
17							T
18							T
19 PRED 551						TU	
20 PRED 552					TU		
21 PRED 553					TU		
22 PRED 556							
23 PRED 557							TU
24 PRED 558							TU
25							TU
26							TU

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (04 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành KHXH&NV nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh (Tiếng Anh B1) (05 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo Thạc sĩ có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B1 (trung đương bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kĩ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (03 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục, các phương pháp nghiên cứu cũng như những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

Thông qua việc rèn luyện các kĩ năng nghiên cứu giúp học viên hình thành ý thức, thái độ tự giác, tích cực, độc lập, trung thực trong nghiên cứu, cũng như hoàn thiện phẩm chất của nhà giáo dục.

Tổ chức cho học viên thực hiện quy trình nghiên cứu khoa học giáo dục để phát triển năng lực nghiên cứu và hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

8.4. Tâm lí học giáo dục (03 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về Cơ sở Tâm lí học giáo dục, nền tảng của Lí luận giáo dục hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lí thuyết khoa học trong tâm lí học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nhằm lí giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, quy luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lí, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lí của người học và việc học.

Các nghiên cứu giáo dục thường dẫn đến những lí thuyết, mô hình, quan niệm và những công cụ phát triển giảng dạy như chương trình, phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học, học liệu, môi trường, kết quả học tập và sự phát triển của người học trong dạy học, đào tạo và giáo dục.

8.5. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên (02 tín chỉ)

Cung cấp những kiến thức, phương pháp tư duy và hành động về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, đáp ứng những đổi mới của giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực.

8.6. Lí luận dạy học hiện đại (03 tín chỉ)

Học phần bao gồm: Lí luận dạy học với tư cách một khoa học giáo dục, các lí thuyết về học tập và chiến lược học tập, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, đánh giá và cho điểm thành tích học tập.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lí học giáo dục, Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên.

8.7. Chuẩn giáo dục và Lí thuyết chương trình giáo dục (03 tín chỉ)

Học phần giới thiệu những tiền đề khoa học, những lí thuyết khoa học về chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục nói chung, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản trong dạy học và giáo dục. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo sau đại học. Nội dung học phần đề cập đến những vấn đề lí luận cơ bản về chuẩn và chương trình giáo dục.

8.8. Văn hóa nhà trường hiện đại (03 tín chỉ)

Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

8.9. Giáo dục kỹ năng học tập cơ bản ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về kỹ năng học tập; Giáo dục kỹ năng học tập; Biện pháp và hình thức giáo dục kỹ năng học tập cơ bản ở tiểu học; Một số phương pháp rèn kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học. Yêu cầu cơ bản trong học tập của học viên là chủ động, tích cực xử lý tư liệu, hợp tác và tư duy phê phán, rèn luyện thường xuyên qua thực hành và áp dụng.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học giáo dục; Dạy học theo hướng trải nghiệm ở tiểu học.

8.10. Giáo dục theo hướng phát triển năng lực ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục theo hướng phát triển năng lực ở tiểu học: khái niệm, nguyên lý, vai trò của giáo dục dựa vào năng lực. Học phần cũng giúp học viên nghiên cứu, làm rõ được lý luận về dạy và học theo hướng phát triển năng lực của học sinh tiểu học, từ đó vận dụng trong thực tế giảng dạy và nghiên cứu ở tiểu học.

8.11. Đánh giá trong giáo dục tiểu học theo tiếp cận năng lực (03 tín chỉ)

Nội dung học tập của môn học này sẽ tập trung hướng dẫn học viên phương thức đánh giá kết quả giáo dục của học sinh tiểu học theo hướng hỗ trợ sự phát triển năng lực người học, phản ánh mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông, cung cấp thông tin hữu ích cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học nhằm nâng cao dần mức độ phát triển năng lực của mỗi học sinh. Đồng thời, môn học này sẽ cung cấp kiến thức nền tảng về lý thuyết đánh giá hiện đại và sự kết hợp nó với lý thuyết đánh giá cổ điển trong việc xác định vùng phát triển năng lực của học sinh. Từ đó, đặt nền móng cho những nghiên cứu sâu hơn về đánh giá giáo dục sau này của học viên.

8.12. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên sâu của toán cao cấp liên quan đến các nội dung trong chương trình môn Toán ở tiểu học, giúp người học hiểu rõ cơ sở toán học của các nội dung này. Học phần tập trung vào ba chủ đề quan trọng trong làm nền tảng cho môn Toán ở tiểu học gồm: Chủ đề 1: Đại số và số học; Chủ đề 2: Hình học; Chủ đề 3: Xác suất thống kê.

8.13. Giáo dục văn hoá giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những hiểu biết về giáo dục văn hoá giao tiếp tiếng Việt; phát triển năng lực thiết kế các tình huống, bài tập, hoạt động trong các môn học và hoạt động giáo dục nhằm giáo dục văn hoá giao tiếp tiếng Việt cho học sinh tiểu học thực tế và hiệu quả.

8.14. Dạy Văn ở tiểu học (03 tín chỉ)

Là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, gồm 02 tín chỉ; học phần trang bị cho học viên những nội dung sau: Hệ thống tri thức chuyên sâu về ý nghĩa, sự cần

thiết và căn cứ khoa học của việc dạy Văn cho học sinh tiểu học; phát triển hệ thống ngữ liệu Văn trong môn Tiếng Việt; phát triển năng lực nghiên cứu và dạy học tích hợp Văn trong môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

8.15. Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học cách xác định các nội dung, nguyên tắc, cơ sở khoa học của nội dung, phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học trình độ đại học, cơ sở ngôn ngữ của dạy học Tiếng Việt tiểu học mới đề cập những kiến thức giản yếu nhất. Vì vậy, học phần này sẽ khai thác sâu hơn ở cả hai chiều lí thuyết cơ bản và phương pháp dạy học cùn quan hệ tương tác của chúng.

8.16. Cơ sở khoa học của dạy toán ở tiểu học (03 tín chỉ)

Cung cấp một số hiểu biết về cơ sở khoa học của việc dạy toán ở tiểu học như hoạt động học toán, năng lực toán học của học sinh tiểu học; các cách tiếp cận để dạy học toán theo định hướng phát triển năng lực. Từ đó, học viên vận dụng vào trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu toán học ở tiểu học.

8.17. Cơ sở giáo dục trải nghiệm ở tiểu học (03 tín chỉ)

Cung cấp cơ sở lí thuyết về giáo dục trải nghiệm, từ đó vận dụng các lí thuyết và mô hình học tập/giáo dục trải nghiệm để tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

8.18. Cơ sở khoa học của giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở khoa học của việc dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Những cơ sở khoa học này là nền tảng lí luận giúp học viên có cái nhìn khái quát về chương trình giáo dục các môn các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học ở Việt Nam, giúp cho học viên giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong thực tiễn giáo dục các môn về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học.

8.19. Giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần *Giáo dục giá trị và kĩ năng sống ở tiểu học* đề cập đến các vấn đề sau:

- Những vấn đề lí luận chung về giá trị, giá trị sống, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống ở trường tiểu học (Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống ở trường tiểu học);

- Thực hành giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh tiểu học (Thiết kế kế hoạch giáo dục; Lập kế hoạch bài học; Xây dựng tiêu chí và bộ công cụ đánh giá).

8.20. Phát triển tư duy toán học của học sinh qua dạy học Toán (03 tín chỉ)

Cung cấp một số hiểu biết đại cương về tư duy; về tư duy toán học; về quá trình tư duy, về các hình thức tư duy trong toán học.... Từ đó, trình bày các biện pháp thực hành nhằm kích thích quá trình tư duy và tính sáng tạo của học sinh qua một hệ thống bài tập trong môn toán ở tiểu học.

8.21. Phát triển kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản (03 tín chỉ)

Học phần giúp học viên vận dụng tốt kiến thức lí luận cơ bản (các lí thuyết hoạt động lời nói, lí thuyết giao tiếp,...) vào việc phát triển hai kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học.

8.22. Phát triển kĩ năng dạy học đọc hiểu ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên hệ thống những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu về đọc hiểu, bao gồm: đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, đọc hiểu liên hệ so sánh, kết nối và đọc hiểu mở rộng.

- Học phần còn trang bị cho người học quy trình và phương pháp dạy học kĩ năng đọc hiểu, từ đó biết ứng dụng vào giảng dạy môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Học phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực ngôn ngữ cho học viên thạc sĩ GDTH.

8.23. Phát triển năng lực dạy học toán ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học một số vấn đề lí luận cơ bản về phát triển năng lực dạy học toán của giáo viên tiểu học. Trên cơ sở đó, người học có cơ hội phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua thực hành dạy học một số chủ đề cụ thể trong môn Toán tiểu học.

8.24. Xu hướng mới trong giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những xu hướng mới trong giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Từ những lí luận về các xu hướng mới trong giáo dục các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học, học viên có thể vận dụng trong nghiên cứu, giảng dạy và phát triển chuyên môn trong giáo dục các môn các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

8.25. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học toán ở tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những lí luận chung về năng lực giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán, đặc biệt là sự phát triển của năng lực. Từ một số hoạt động dạy học cụ thể, người học thực hành vận dụng trong dạy học các mạch kiến thức của môn Toán ở tiểu học để phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.

8.26. Phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh tiểu học (03 tín chỉ)

Học phần hướng tới việc phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh tiểu học thông qua việc rèn những kĩ năng giao tiếp cơ bản: đọc, viết, nói và nghe.

Học phần nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực ngôn ngữ cho học viên thạc sĩ Giáo dục tiểu học.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức, quản lí quá trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.2. Phòng Đào tạo

- Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo;
- Phối hợp với Khoa để tổ chức và quản lý việc đào tạo theo đúng Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường

9.3. Khoa Giáo dục Tiểu học

- Xây dựng và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.4. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.5. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)




Nguyễn Quang Huy